ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BẰNG SƠ ĐỒ ĐỐI VỚI MÔN HỌC LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA 49, TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Thị Phương Oanh*
Đồng Văn Triệu**

Tóm tắt:
Thông qua nghiên cứu, đề tài đã xây dựng quy trình ứng dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ môn học Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất, trên cơ sở đó, tiến hành ứng dụng 13 giáo án trong quá trình dạy học cho sinh viên đại học khóa 49 trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Kết quả thực nghiệm đã chứng minh được hiệu quả của phương pháp dạy học đã chọn
Từ khoá: Phương pháp dạy học, sơ đồ, lý luận và phương pháp giáo dục thể chất...

Application of methods of teaching with diagrams on the Theory subjects and training Physical Education for 49th university students at Bac Ninh Sports University

Summary:
Carrying out the study, we have built the process of applying the methods of teaching with diagrams on the Theory subjects and training Physical Education. On such basis, we have applied 13 lesson plans in teaching for the 49th university students at Bac Ninh University of Sports. The experimental results have demonstrates the effectiveness of the teaching methods.
Keywords:Teaching methods, diagrams, Theory, Physical Education training methods

ĐẶT VẤN ĐỀ

Môn học Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (LL và PPGDTC) là một trong những môn học quan trọng nằm trong chương trình đào tạo của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về bản chất của TDTT, về phương pháp tổ chức các quá trình GDTC, hình thành kỹ năng vận dụng lý luận - phương pháp vào thực tiễn hoạt động TDTT và hình thành niềm tin, tình cảm nghề nghiệp cho giáo viên TDTT tương lai.

Toàn bộ giáo trình dùng để giảng dạy môn học LL và PPGDTC bao gồm 9 chương với tổng khối lượng tương đối lớn nhưng số giờ giảng dạy ít (75 tiết học trên lớp và không có thời gian thảo luận), việc sử dụng các phương pháp dạy học cũ theo lối thuyết trình: giáo viên hướng dẫn sinh viên lần lượt giải quyết các kiến thức cơ bản theo trình tự nhất định sẽ rất mất thời gian, đồng thời làm cho sinh viên khó nắm bắt được toàn bộ nội dung chương trình môn học. Vì vậy, vấn đề nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học sao cho phù hợp với tình hình thực tế của môn học đang là vấn đề cấp thiết, cần được giải quyết.

Phương pháp dạy học bằng sơ đồ là một trong những phương pháp rất độc đáo, Sử dụng sơ đồ là công cụ hữu ích trong giảng dạy và học tập giúp giáo viên và sinh viên trong việc trình bày các ý tưởng, tóm tắt, hệ thống hoá các kiến thức của một bài học, một chủ đề, một chương hay cả một cuốn sách một cách rõ ràng, mạch lạc, logic và đặc biệt là dễ phát triển ý tưởng cho sinh viên. Thông qua sơ đồ, giáo viên có thể giúp sinh viên dễ dàng nắm bắt được toàn bộ kiến thức logic trong bài giảng, có thể đi sâu nhấn mạnh những mảng kiến thức đặc biệt quan trong, lướt qua những kiến thức ngoại diên, như vậy có thể tận dụng được thời gian ngắn ngủi nhưng vẫn trang bị đầy đủ kiến thức cho người

*ThS, Phó Trưởng bộ môn Lý luận TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
**PGS.TS, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

học. Mặt khác, giúp người học dễ hình dung và hệ thống hóa được toàn bộ nội dung chương trình của một bài giảng, một chương, thâm chí toàn bộ nội dung chương trình môn học.

Đã có rất nhiều tài liệu, thông tin đề cập đến vấn đề đổi mới phương pháp dạy học, tuy nhiên, vấn đề đặt ra là lựa chọn phương pháp dạy học nào cho phù hợp với từng môn học và sinh viên chưa được nghiên cứu nhiều tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi nghiên cứu: "Ứng dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ đối với môn học LL và PP GDTC cho sinh viên đại học khóa 49, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh"

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp phỏng vấn tọa đàm, phương pháp kiểm tra sư phạm, phương pháp thực nghiệm sư phạm và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Phương pháp dạy học bằng sơ đồ

Phương pháp sử dụng sơ đồ trong dạy học là một trong những phương pháp thuộc nhóm phương pháp dạy học trực quan. Trong đó các kiến thức cơ bản cần được sắp xếp dưới dạng mô hình, sơ đồ, đó là những hình ảnh có tính biểu tượng được xây dựng trên các sự vật, các yếu tố trong cấu trúc sự vật và mối liên hệ giữa các yếu tố đó dưới dạng trực quan cảm tính. Sơ đồ tạo thành một tổ chức hình khối phản ánh cấu trúc và logic bên trong của một khối lượng kiến thức một cách khái quát, súc tích và trực quan cụ thể. Nhằm giúp cho người học nắm vững một cách trực tiếp, khái quát những nội dung cơ bản, đồng thời qua đó phát triển năng lực nhận thức cho người học.

Đặc điểm của sơ đồ hóa kiến thức.

Một là, khối lượng kiến thức quyết định nội dung khách quan của sơ đồ. Hình thức chủ quan của sơ đồ phụ thuộc người lập sơ đồ. Vì vậy, cùng một khối lượng kiến thức nhưng có thể có nhiều cách sáng tạo, thiết kế sơ đồ khác nhau.

Hai là, sơ đồ là những biểu tượng trực quan phản ánh một cách trừu tượng, khái quát các khái niệm, phạm trù, quy luật. Vì vậy, đòi hỏi sơ đồ phải phản ánh trung thành với khối lượng kiến thức mà nó mô tả.

Ba là, sơ đồ nhằm giúp người học lĩnh hội kiến thức dễ dàng hơn. Vì vậy, phải có tính thẩm mỹ, không rập khuôn, khuyến khích người học tự thiết kế sơ đồ trên cơ sở kiến thức đã lĩnh hội.

Bốn là, sơ đồ hình thành trên cơ sở xác định các yếu tố nội dung trong các chương, các mục, mối liên hệ biện chứng giữa các đơn vị kiến thức…Khi giảng dạy cần vận dụng các thao tác so sánh, phân tích tổng hợp, trừu tượng, khái quát… So sánh với những quan điểm đối lập, bổ sung mở rộng vấn đề, phát triển tư duy logic.

Ưu điểm của phương pháp dạy học theo sơ đồ hóa kiến thức:

- Dễ phát huy tính tích cực của người học. Huy động tối đa các giác quan của sinh viên tham gia vào quá trình nhận thức, lĩnh hội kiến thức.

- Kiến thức được biểu diễn dưới dạng sơ đồ, ngắn gọn dễ nhớ. Sinh viên sẽ dễ dàng hơn trong việc phát triển ý tưởng, tìm tòi lĩnh hội và xây dựng kiến thức mới. Dùng sơ đồ minh họa tạo hiệu quả: trong một thời gian rất ngắn có thể khái quát được một khối lượng kiến thức lớn, vừa làm rõ bài giảng, vừa xâu chuỗi kiến thức và các mối liên hệ giữa chúng.

- Tác động vào "kênh hình" của người học. Sẽ tạo ra sự hứng thú trong giờ học, bài giảng, tiết học trở nên sôi động. Phát triển óc quan sát, kích thích tư duy của người học, củng cố kiến thức bài giảng, hào hứng tìm tòi, đón nhận tri thức mới, có lòng yêu thích môn học.

- Người học khám phá tri thức mới theo trình tự logic, giúp người học hiểu được bản chất quy luật. Thuận lợi cho quá tình tái hiện tri thức khi cần thiết.

2. Xây dựng qui trình ứng dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ môn Lý luận và phương pháp GDTC cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để có cơ sở lựa chọn phương pháp dạy học bằng sơ đồ đối với môn học LL và PP GDTC cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, chúng tối căn cứ vào các yếu tố sau:

+ Nguyên tắc lựa chọn phương pháp dạy học:
+ Đặc điểm phương pháp dạy học bằng sơ đồ
+ Đặc điểm môn học LL và PP GDTC
+ Ý kiến của chuyên gia, giáo viên.

Trên cơ sở tham khảo các tài liệu có liên quan cũng như phỏng vấn chuyên gia, giáo viên, chúng tôi tiến hành thiết kế quy trình ứng dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ theo 4 bước:

+ Bước 1: Xác định kiến thức theo nội dung chương trình để xây dựng sơ đồ trong thiết kế giáo án cho môn học LL và PPGDTC.

Mục đích của bước này phân nhóm nội dung chương trình môn học thành từng khối kiến thức, trên cơ sở đó lựa chọn các loại sơ đồ phù hợp với nội dung kiến thức cần trang bị.

+ Bước 2: Xây dựng giáo án môn học LL và PPGDTC có sử dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ.

Hệ thống bài giảng có sử dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ sau khi đã soạn xong sẽ lấy ý kiến của các giáo viên bộ môn nhằm mục đích chỉnh lý và sửa chữa những chỗ chưa phù hợp.

+ Bước 3: Ứng dụng phương pháp dạy hoc bằng sơ đồ cho môn LL và PPGDTC.

Sau khi xây dựng giáo án giảng dạy, đề tài tiến hành ứng dụng 13 giáo án đã soạn thảo trên đối tượng là sinh viên khóa đại học 49 khoa GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

+ Bước 4: Đánh giá hiệu quả phương pháp dạy học bằng sơ đồ môn LL và PP GDTC cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Đề tài tiến hành đánh giá hiệu quả phương pháp dạy học bằng sơ đồ thông qua thu thập ý kiến của giáo viên tham gia dự giờ ở 2 giờ bình giảng cấp trường và 13 giờ bình giảng cấp bộ môn. Đề tài cũng tiến hành đánh giá kết quả học tập của sinh viên để làm cơ sở đánh giá hiệu quả phương pháp dạy học mới mà đề tài ứng dụng. Bên cạnh đó, đề tài tiến hành phỏng vấn sinh viên được học môn học LL và PP GDTC với các bài giảng có sử dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ để lấy ý kiến phản hồi từ phía sinh viên

3. Ứng dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ đối với môn học LL và PP GDTC cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

3.1. Tổ chức thực nghiệm.

Đối tượng thực nghiệm sư phạm của đề tài là sinh viên khoá Đại học 49 khoa GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được chia làm hai nhóm: Lớp thực nghiệm 105 sinh viên thuộc các lớp Bóng chuyền, Bơi lội, Bóng bàn, Bắn súng, Cờ vua. Lớp đối chứng gồm 211 sinh viên thuộc các lớp Bóng đá, Quần vợt, Vật, Bóng rổ, Thể dục, Bóng ném, Võ, Cầu lông, Điền kinh.

Chúng tôi sử dụng phương pháp thực nghiệm so sánh song song trên khách thể nghiên cứu trong thời gian giảng dạy môn LL và PP GDTC học phần hai, từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 3 năm 2016. Nhóm thực nghiệm sẽ được áp dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ trong các giờ học môn LL và PPGDTC (tổng cộng 13 giáo án đã soạn sẵn), lớp đối chứng vẫn được áp dụng các phương pháp dạy học truyền thống từ trước. Cuối học kỳ chúng tôi tiến hành phỏng vấn sinh viên về hiệu quả các phương pháp dạy học đang được áp dụng trong quá trình dạy học môn học LL và PP GDTC cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, cũng như tiến hành đánh giá kết quả học tập của sinh viên thuộc hai nhóm thông qua điểm thi kết thúc học phần.

3.2. Đánh giá kết quả trước thực nghiệm

Kết quả trước thực nghiệm là kết quả học tập thuộc học phần I môn LL &PP GDTC khi chưa phân nhóm thực nghiệm và đối chứng và được tiến hành giảng dạy theo các phương pháp thông thường.

Bảng 1. So sánh kết quả học tập lớp thực nghiệm và lớp đối chứng trước thực nghiệm (NĐC n=211; NTN n=105)

Khóa 49	Đối tượng	Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Σ đạt		Yếu kém		$\chi^2_{tính}$
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	
Đối chứng	NĐC (211)	11	5.21	19	9	81	38.39	73	34.6	184	87.2	27	12.8	1.19
Thực nghiệm	NTN (105)	6	5.71	9	8.57	42	40	36	34.29	93	85.7	12	11.43	

Qua bảng 1 cho thấy: Tỷ lệ sinh viên đạt điểm xuất sắc, giỏi, khá, trung bình, yếu kém ở cả hai nhóm thực nghiệm và đối chứng đều tương đương nhau, kết quả sau khi xử lý số liệu cho thấy $\chi^2_{tính} < \chi^2_{bảng}$ ở ngưỡng xác xuất P > 0.05 Điều đó chứng tỏ kết quả học tập của lớp đối chứng và lớp thực nghiệm là tương đương nhau.

3.3. Đánh giá kết quả sau thực nghiệm

* Kết quả kiểm tra sau thực nghiệm

Sau khi ứng dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ môn LL&PPGDTC, đề tài tiến hành đánh giá theo ý kiến phản hồi của sinh viên và kết quả học tập môn học LL & PPGDTC.

3.3.1. Đánh giá hiệu quả PP dạy học bằng sơ đồ thông qua đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên

Đề tài đã tiến hành phỏng vấn sinh viên nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng để tìm hiểu ý kiến phản hồi của sinh viên đối với môn học LL và PP GDTC, qua đó đánh giá hiệu quả phương pháp dạy học bằng sơ đồ. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Ý kiến phản hồi của sinh viên lớp đối chứng về phương pháp dạy (n=211)

TT	Câu hỏi	Trả lời	m_i	Tỷ lệ (%)
1	Em có thích giờ học môn LL & PPGDTC không ?	Thích	91	43.13
		Bình thường	45	21.33
		Không thích	75	35.54
2	Phương pháp giảng dạy của giáo viên như thế nào ?	Dễ hiểu	91	43.13
		Bình thường	51	24.17
		Khó hiểu	69	32.7
3	Mức độ ghi nhớ nội dung học của em khi học môn LL & PPGDTC không ?	Nắm vững tri thức ngay trên lớp	89	42.18
		Chỉ nắm được một nội dung cơ bản	55	26.07
		Không nắm được nội dung	67	31.75
4	Khi học môn LL&PPGDTC em có dễ dàng hệ thống kiến thức đã học không?	Dễ dàng	90	42.65
		Bình thường	45	21.33
		Khó	76	36.02

Bảng 3. Ý kiến phản hồi của sinh viên lớp thực nghiệm về phương pháp dạy học bằng sơ đồ (n=105)

TT	Câu hỏi	Trả lời	m_i	Tỷ lệ (%)
1	Em có thích giờ học lý luận có vận dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ không?	Thích	93	88.57
		Bình thường	7	6.67
		Không thích	5	4.76
2	Phương pháp giảng dạy của giáo viên như thế nào ?	Dễ hiểu	91	86.67
		Bình thường	9	8.57
		Khó hiểu	5	4.76
3	Mức độ ghi nhớ nội dung học của em khi em học theo phương pháp dạy học bằng sơ đồ?	Nắm vững tri thức ngay trên lớp	61	58.09
		Chỉ nắm được một nội dung cơ bản	38	36.19
		Không nắm được nội dung	6	5.71
4	Khi học theo phương pháp dạy học bằng sơ đồ. em có dễ dàng hệ thống kiến thức đã học không?	Dễ dàng	70	66.67
		Bình thường	21	20
		Khó	14	13.33

Kết quả bảng 2cho thấy: Số sinh viên thích học môn LL & PPGDTC chưa đạt 50%. Một trong những lý do là do phương pháp giảng dạy của giáo viên làm cho sinh viên dễ hiểu và tiếp thu kiến thức còn hạn chế. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập môn LL & PP GDTC.

Kết quả bảng 3 cho thấy: Sinh viên nhóm thực nghiệm rất hứng thú với giờ học môn LL và PP GDTC thông qua phương pháp dạy học

bằng sơ đồ của giáo viên. Điều này một lần nữa khẳng định phương pháp dạy học mà đề tài lựa chọn là phù hợp và đem lại hiệu quả trong quá trình dạy học môn học LL và PP GDTC cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Như vậy, kết quả bảng 2 và 3 cho thấy, nhận thức về môn học LL và PP GDTC của hai lớp thực nghiệm và lớp đối chứng có sự khác biệt. Điều đó có ảnh hưởng đến kết quả học tập môn học LL & PP GDTC

3.3.2 Đánh giá hiệu quả PP dạy học bằng sơ đồ thông qua kết quả học tập

Kết quả học tập môn học LL & PP GDTC (điểm thi lần 1) được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. So sánh kết quả kiểm tra giữa lớp thực nghiệm và đối chứng (NĐC n=211; NTN n = 105)

Khóa 49	Đối tượng	Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Σ đạt		Yếu kém		$X^2_{tính}$
		m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	
Đối chứng	NĐC (211)	10	4.74	21	9.95	76	36.02	80	37.91	187	88.63	24	11.37	5.31
Thực nghiệm	NTN (105)	9	8.57	25	23.81	52	49.52	15	14.29	101	96.19	4	3.81	

Kết quả bảng 4 cho thấy, điểm số của hai lớp: Lớp thực nghiệm và lớp đối chứng có sự khác biệt rõ rệt: Ở lớp thực nghiệm tỷ lệ sinh viên đạt điểm xuất sắc, giỏi, khá cao hơn lớp đối chứng và tỷ lệ sinh viên thi qua lần 1 của lớp thực nghiệm cũng cao hơn lớp đối chứng, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác xuất $P< 0.05$. Điều đó chứng tỏ phương pháp dạy học theo sơ đồ mà lớp thực nghiệm được học tập đã mang lại hiệu quả hơn hẳn so với lớp đối chứng ($\chi^2_{tính} > \chi^2_{bảng}$ ở ngưỡng xác xuất $P < 0.05$).

KẾT LUẬN

1. Qui trình ứng dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ môn LL và PPGDTC được tiến hành theo 4 bước:

Bước 1: Xác định kiến thức theo nội dung chương trình để xây dựng sơ đồ trong thiết kế giáo án cho môn học LL và PPGDTC.

Bước 2: Xây dựng giáo án môn học LL và PPGDTC có sử dụng phương pháp dạy học bằng sơ đồ.

Bước 3: Ứng dụng phương pháp dạy hoc bằng sơ đồ cho môn LL và PPGDTC.

Bước 4: Đánh giá hiệu quả phương pháp dạy học bằng sơ đồ môn LL và PP GDTC của sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

2. Từ ý kiến phản hồi của sinh viên và kết quả học tập thông qua thực nghiệm sư phạm đã khẳng định tính hiệu quả của phương pháp dạy học bằng sơ đồ môn học LL và PP GDTC cho sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho lớp thực nghiệm tốt hơn so với phương pháp dạy học thông thường .

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Như An (1990), *Phương pháp dạy học giáo dục học tập 1*, Đại học Quốc gia, Hà Nội. Tr. 172, 122.

2. Babanxki. Iu.K (1981), *Tối ưu hoá quá trình dạy học,* Cục đào tạo và bồi dưỡng Bộ GD-ĐT, Hà Nội. Tr. 75.

3. Nguyễn Ngọc Bảo (1996), *Phát triển tính tích cực tự lực của học sinh trong quá trình dạy học, tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho GV phổ thông trung học,* Vụ GV, Bộ GD-ĐT, Hà Nội. Tr. 118, 191.

4. Lê Khánh Bằng (2001), *Phương pháp dạy học và dạy cách học ở đại học*, Đại học sư phạm, Hà Nội. Tr. 74, 68.

5. Phạm Đình Bẩm (2003), "Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp giảng dạy đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học TDTT I", *Kỷ yếu nghiên cứu khoa học TDTT Trường Đại học TDTT I*, tr. 3-5.

6. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tốn (2000), *Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội. Tr. 3, 376.

(Bài nộp ngày 14/11/2016, phản biện ngày 18/11/2016, duyệt in ngày 5/12/2016)